

Số: 54/2025/NQ-HĐND

Thanh Hóa, ngày 09 tháng 12 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 của tỉnh Thanh Hóa

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15,
được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung
bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP của
Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng
dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu
Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Xét Tờ trình số 265/TTr-UBND ngày 06 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại
biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026
- 2031 của tỉnh Thanh Hóa; Báo cáo thẩm tra số 1512/BC-KTNS ngày 07 tháng
12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại Kỳ họp.

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết Quy định mức chi và thời gian
được hưởng hỗ trợ phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại
biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 của tỉnh Thanh Hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Nghị quyết này quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ
công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các
cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

2. Đối tượng áp dụng:



- a) Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh, Ban Chỉ đạo bầu cử cấp xã.
- b) Ủy ban bầu cử tỉnh, Ủy ban bầu cử cấp xã.
- c) Ban bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã.
- d) Tổ bầu cử.
- đ) Các Tiểu ban, Tổ giúp việc cho Ủy ban bầu cử các cấp.
- e) Các cơ quan, đơn vị và địa phương trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa được giao nhiệm vụ liên quan đến hoạt động bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031.

Điều 2. Nguyên tắc áp dụng

1. Kinh phí và trang thiết bị phục vụ cho công tác bầu cử phải được các cơ quan, đơn vị quản lý chặt chẽ, chi tiêu đúng chế độ, đúng mục đích, có hiệu quả, đảm bảo tiết kiệm cho ngân sách nhà nước.
2. Các khoản chi phát sinh theo thực tế nhưng chưa quy định mức chi tại Nghị quyết này thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành, thanh toán theo thực tế, đảm bảo chứng từ chi hợp pháp, hợp lệ trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 3. Quy định mức chi và thời gian được hưởng hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

1. Quy định mức chi kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa: Chi tiết tại Phụ lục kèm theo Nghị quyết này.
2. Thời gian hưởng hỗ trợ kinh phí: Được tính theo thời gian thực tế, căn cứ vào Quyết định thành lập, cử người, huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt nhưng tối đa không quá 05 tháng/người; trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Từ nguồn ngân sách trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách tỉnh, nguồn ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh, cấp xã), nguồn chi thường xuyên tại các đơn vị và nguồn thu hợp pháp khác.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh căn cứ Nghị quyết này và các quy định của pháp luật, tổ chức triển khai thực hiện.



2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 6. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 09 tháng 12 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa khóa XVIII, Kỳ họp thứ 37 thông qua ngày 09 tháng 12 năm 2025.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- TTr HĐND, UBND các xã, phường;
- Công báo tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử của Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Báo và Đài PTTH Thanh Hóa;
- Lưu: VT, KTNS.

CHỦ TỌA



[Handwritten signature]
Lê Tiến Lam
Phó Chủ tịch Thường trực
Hội đồng nhân dân tỉnh



Phụ lục
QUY ĐỊNH MỨC CHI, NỘI DUNG CHI PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẦU
CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG
NHÂN DÂN CÁC CẤP, NHIỆM KỲ 2026 - 2031

(Kèm theo Nghị quyết số: 54/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025
của Hội đồng nhân dân tỉnh Thanh Hóa)

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
1	Chi xây dựng văn bản			
a	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Thực hiện theo Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành	
b	Chi xây dựng văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại điểm a Phụ lục này liên quan đến công tác bầu cử có phạm vi toàn tỉnh, toàn xã, phường do Ủy ban bầu cử các cấp, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử các cấp ban hành (kế hoạch, thông tri, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết công cuộc bầu cử tại địa phương) tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý	Nghìn đồng/ văn bản	3.000	2.000
2	Chi công tác tuyên truyền; in ấn hồ sơ, tài liệu, ấn phẩm phục vụ công tác bầu cử		Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ.	
3	Chi ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số; xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử phục vụ công tác tổ chức bầu cử		Thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật về khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghệ thông tin, ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan	
4	Chi trang bị tài sản, máy móc, thiết bị phục vụ bầu cử		Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách hàng năm giao cho các cơ quan, đơn vị	
5	Chi tổ chức hội nghị		Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 64/2017/NQ-HĐND ngày	



STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
			12 tháng 7 năm 2017 của HĐND tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập tỉnh Thanh Hóa đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị quyết số 18/2025/NQ-HĐND ngày 21 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh.	
6	Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử (Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử; hội nghị tập huấn, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng)		Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 100/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức	
7	Chi bồi dưỡng các cuộc họp			
a	Các cuộc họp của Ban Chỉ đạo bầu cử các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp, các Ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử			
-	Chủ trì cuộc họp	Nghìn đồng /người/buổi	500	300
-	Thành viên tham dự	Nghìn đồng /người/buổi	200	150
-	Các đối tượng phục vụ	Nghìn đồng /người/buổi	100	70
b	Các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử			
-	Chủ trì cuộc họp	Nghìn đồng /người/buổi	300	200
-	Thành viên tham dự	Nghìn đồng /người/buổi	200	150
-	Các đối tượng phục vụ	Nghìn đồng /người/buổi	100	70
8	Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ban Chỉ đạo bầu cử các cấp, Ủy ban bầu cử các cấp, các Ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử (ngoài chế			



STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
	độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành)			
a	Trưởng đoàn giám sát	Nghìn đồng /người/buổi	300	200
b	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	Nghìn đồng /người/buổi	200	150
c	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát			
-	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	Nghìn đồng /người/buổi	150	100
-	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	Nghìn đồng /người/buổi	100	70
d	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát			
-	Loại báo cáo: Báo cáo tổng hợp kết quả từng đoàn công tác, báo cáo tổng hợp kết quả của các đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp các đợt kiểm tra, giám sát trình HĐND, Ủy ban bầu cử	Nghìn đồng /báo cáo	5.000	3.000
9	Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử			
a	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	Nghìn đồng /người/buổi	150	100
b	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	Nghìn đồng /người/buổi	100	70
c	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	Nghìn đồng /người/buổi	50	30
10	Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử			
a	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với đối tượng sau:			
-	Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban bầu cử	Nghìn đồng /người/tháng	3.300	2.500
-	Thành viên Ban Chỉ đạo, thành viên Ủy ban bầu cử; Phó Trưởng các tiểu ban; Thư ký Tiểu ban giúp việc Ủy ban bầu cử	Nghìn đồng /người/tháng	3.000	2.000
-	Thành viên các Tiểu ban, thành viên Tổ giúp việc	Nghìn đồng /người/tháng	2.700	1.700
b	Các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài			

STT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Mức chi	
			Cấp tỉnh	Cấp xã
	các đối tượng đã được huy động, trung tập tham gia tại các Tiểu ban, các Tổ giúp việc) không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử			
-	Thời gian huy động, trung tập trực tiếp không quá 15 ngày	Nghìn đồng /người/ngày	200	150
-	Thời gian huy động, trung tập trực tiếp lớn hơn 15 ngày; trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập được cấp có thẩm quyền phê duyệt	Nghìn đồng /người/tháng	3.000	2.000
c	Riêng 2 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử) áp dụng đối với tất cả lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử; danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt	Nghìn đồng /người/ngày	300	200
11	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ công tác bầu cử			
-	Trưởng Ban, Phó Trưởng Ban Chỉ đạo; Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử; Trưởng các Tiểu ban bầu cử	Nghìn đồng /người/tháng	500	
-	Thành viên Ban Chỉ đạo, thành viên Ủy ban bầu cử; Phó Trưởng các Tiểu ban; Thư ký Tiểu ban giúp việc	Nghìn đồng /người/tháng	400	
-	Thành viên các Tiểu ban, thành viên Tổ giúp việc	Nghìn đồng /người/tháng	300	200
12	Chi phí hành chính cho công tác bầu cử			
a	Chi đóng hòm phiếu (trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng hoặc cần bổ sung)	Nghìn đồng /hòm phiếu	500	500
b	Chi khắc dấu (trường hợp dấu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung)	Nghìn đồng/dấu	400	400
c	Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử (trường hợp chưa có bảng niêm yết hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung)	Nghìn đồng/bảng	1.500	1.500

